

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 85/CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ TRUNG NGUYÊN/2026

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ TRUNG NGUYÊN

Địa chỉ: 268 đường Nguyễn Tất Thành, Phường Tân Lập, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.

Điện thoại: 0262 3865116 - 0262 3855570 Fax: 0262 3811766

E-mail: office@trungnguyenlegend.com

Mã số doanh nghiệp: 6000429946

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: CÀ PHÊ HÒA TAN NGUYÊN CHẤT E004

2. Thành phần: 100 % Cà phê Robusta.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất và hạn sử dụng: Xem trên bao bì.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo và thoáng mát.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: Đóng gói với khối lượng tịnh:

+ Thùng: 20 kg.

+ Túi sản phẩm (bên trong Thùng): 20 kg.

- Chất liệu bao bì:

+ Sản phẩm được đóng gói kín và chứa trực tiếp trong bao bì PE, có chất liệu phù hợp an toàn thực phẩm chứa trực tiếp sản phẩm thực phẩm.

+ Sau đó, cho vào bao bì thùng giấy (có in thông tin ghi nhãn sản phẩm theo quy định).

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Sản xuất tại: Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Trung Nguyên – Nhà Máy Cà Phê Sài Gòn.

Địa chỉ: Lô A, Đường NA7, KCN Mỹ Phước 2, Phường Bến Cát, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Sản xuất theo hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp của công ty CP Đầu tư Trung Nguyên.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (Đính kèm mẫu nhãn sản phẩm).



[Handwritten signature]

[Handwritten mark]

[Handwritten mark]

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số:

- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

2. Thông tư các Bộ, ngành:

- Thông tư 24/2019/TT-BYT Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một phần bởi Thông tư 17/2023/TT-BYT ngày 25/09/2023 và Thông tư số 08/2024/TT-BYT ngày 24/05/2024 do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố. /.

Đắk Lắk, ngày 20 tháng 8 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



Định Ty



CÀ PHÊ HÒA TAN NGUYÊN CHẤT E004

KHỐI LƯỢNG TÍNH: 20 kg

THÀNH PHẦN:
100 % Cà phê Robusta

THÔNG TIN CẢNH BÁO AN TOÀN:
Không để sản phẩm gần nơi có nhiệt độ cao.

CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG CHỦ YẾU:
• Độ ẩm $\leq$ 5 %
• Hàm lượng caffeine $\geq$ 3 %

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG:
Dùng làm nguyên liệu cho cà phê hòa tan, sữa, kem, sô cô la, bánh kẹo...

HƯỚNG DẪN BẢO QUẢN:
Bảo quản nơi khô ráo và thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

Sản phẩm của: **CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ TRUNG NGUYÊN**
Địa chỉ: Số 268 Đường Nguyễn Tất Thành, Phường Tân Lập, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.
Điện thoại: 0262 3865116 - Fax: 0262 3811766
Website: www.trungnguyenlegend.com

Sản xuất tại: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUNG NGUYÊN**
- **NHÀ MÁY CÀ PHÊ SÀI GÒN**
Lô A, Đường N47, Khu Công Nghiệp Mỹ Phước 2, Phường Bến Cát, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Sản xuất theo hợp đồng sơ định đối tượng sử dụng công nghiệp của công ty CP Đầu tư Trung Nguyên.

XUẤT XỨ: Việt Nam.

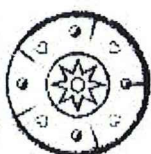
Mã số lô: 5900102
Ngày sản xuất:
Hạn sử dụng:



Phó Giám Đốc Marketing
Wk
Võ Thị Bình



42994
NG TY
PHẦN
PHÊ
NGUYỄN
ĐÀ LẮT



TRUNG NGUYỄN LEGEND
TẠI ĐOÀN CƯỜNG CÀ PHÊ NẮNG LƯƠNG - CÀ PHÊ ĐỎ ĐỎ

3

SỐ LỚP CHẤT TỐI ĐA: 3 LỚP

CÀ PHÊ HÒA TAN NGUYỄN CHẤT E004

KHỐI LƯỢNG TÍNH: 20 kg

THÀNH PHẦN:
100 % Cà phê Robusta.

THÔNG TIN CẢNH BÁO AN TOÀN:
Không để sản phẩm gần nơi có nhiệt độ cao.

CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG CHỦ YẾU:

- Độ ẩm $\leq$ 5 %
- Hàm lượng caffeine $\geq$ 3 %

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG:
Dùng làm nguyên liệu cho cà phê hòa tan, sữa, kem, sô cô la, bánh kẹo,...

HƯỚNG DẪN BẢO QUẢN:
Bảo quản nơi khô ráo và thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

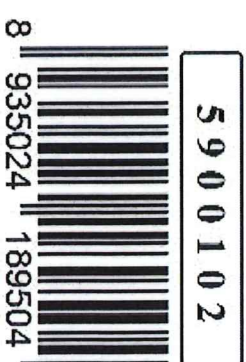
Sản phẩm của: **CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ TRUNG NGUYỄN**
Địa chỉ: Số 268 Đường Nguyễn Tất Thành, Phường Tân Lập, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.
Điện thoại: 0262 3865116 - Fax: 0262 3811766
Website: www.trungnguyenlegend.com

Sản xuất tại: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUNG NGUYỄN**
- NHÀ MÁY CÀ PHÊ SÀI GÒN
Lô A, Đường NA7, Khu Công Nghiệp Mỹ Phước 2, Phường Bến Cát, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Sản xuất theo hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp của công ty CP Dầu tư Trung Nguyễn.

XUẤT XỨ: Việt Nam.

Mã số lô:
Ngày sản xuất:
Hạn sử dụng:



* C.T.C.P *



Report N°: 0001400929

Page N° 1/5

Ho Chi Minh City, Date: April 10, 2026

TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 10/04/2026

JOB NO.: 2603A-02251

Đơn hàng: 2603A-02251

ANALYSIS REPORT
BÁO CÁO PHÂN TÍCH

CLIENT'S NAME : **TRUNG NGUYEN COFFEE CORPORATION**
Tên khách hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ TRUNG NGUYỄN**

CLIENT'S ADDRESS : **268 NGUYEN TAT THANH STREET, TAN LAP WARD, DAK LAK PROVINCE, VIETNAM**
Địa chỉ : **SỐ 268 ĐƯỜNG NGUYỄN TẤT THÀNH, PHƯỜNG TÂN LẬP, TỈNH ĐẮK LẮK, VIỆT NAM**

SAMPLE INFORMATION:
THÔNG TIN MẪU

Sampled/ Submitted by : **Client**
Được lấy/ gửi bởi : **Khách hàng**

Client's reference : **CÀ PHÊ HÒA TAN NGUYỄN CHẤT E004**
Chú thích của khách hàng : **SOLUBLE COFFEE E004**
Nhà máy sản xuất: CHI NHÁNH CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN TRUNG NGUYỄN - NHÀ MÁY CÀ PHÊ SÀI GÒN
Manufactured by: BRANCH OF TRUNG NGUYEN GROUP CORPORATION – SAI GON COFFEE FACTORY
Địa chỉ: Lô A, Đường NA7, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, Phường Bến Cát, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Address: Lot A, NA7 Street, My Phuoc 2 Industrial Park, Ben Cat Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

Sampling date : **09/03/2026**

The above information is submitted and identified by the client/applicant.
Các thông tin trên được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng/người yêu cầu.

Sample description : **Instant coffee (approx. gr. wt. 0.7kg) in the aluminium container**
Mô tả mẫu : **Cà phê hòa tan (khoảng 0.7kg bao gồm bao bì) chứa trong vật chứa bằng nhôm**

Sample ID : **2603A-02251.001**
Mã số mẫu

Date sample(s) received : **March 11, 2026**
Ngày nhận mẫu : **11/03/2026**

Testing period : **March 11, 2026 - March 23, 2026**
Thời gian thử nghiệm : **11/03/2026 - 23/03/2026**

Test(s) requested : **As applicant's requirement**
Yêu cầu thử nghiệm : **Theo yêu cầu của khách hàng**

Test result(s) : **Please refer to the next page(s)**
Kết quả kiểm nghiệm : **Vui lòng tham khảo trang sau**

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

LFOD-QAM-F-2010-1 - 01 Jul, 2025

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0001400929

Page N° 2/5

TEST RESULT(S)

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Appearance : Dry powder, loose and no clump, no impurities which can be seen with the naked eyes
 Trạng thái : Mẫu dạng bột khô, rời và không bị vón cục, không có tạp chất có thể quan sát được bằng mắt thường

Color : Characteristic brown color of product
 Màu : Màu nâu đặc trưng của sản phẩm

Odor : Characteristic odor of product, no strange odor
 Mùi : Mùi thơm đặc trưng của sản phẩm, không có mùi lạ

Taste : Characteristic taste of product
 Vị : Vị đặc trưng của sản phẩm

Brewed coffee : Characteristic color, odor, taste of product
 Cà phê pha : Có màu, mùi, vị đặc trưng của sản phẩm

Solubility in hot water : Solubility in hot water (in 30 seconds with moderate stirring)
 Độ tan trong nước nóng : Tan trong nước nóng (trong 30 giây có khuấy)

Solubility in cold water : Solubility in cold water (in 3 minutes with moderate stirring)
 Tan trong nước lạnh : Tan trong nước lạnh (trong 3 phút có khuấy)

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
1. Total Coliforms <i>Coliform tổng</i>	ISO 4832:2006	<10	-	10	cfu/g	Initial dilution: 100, Note (i)
2. Bacillus cereus <i>Bacillus cereus</i>	AOAC 980.31	<10	-	10	cfu/g	Initial dilution: 100, Note (i)
3. Clostridium perfringens <i>Clostridium perfringens</i>	ISO 15213-2:2023 ^(a)	<10	-	10	cfu/g	Initial dilution: 100, Note (i)
4. E. coli <i>E. coli</i>	ISO 16649-3:2015 ^(a)	0	-	-	MPN/g	Initial dilution: 100, Note (i)
5. Salmonella spp. <i>Salmonella spp.</i>	ISO 6579-1:2017/ Amd 1:2020	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	1.5	-	cfu/25g	Initial dilution: 100, Note (i)
6. Staphylococcus aureus <i>Staphylococcus aureus</i>	US FDA BAM Chapter 12	<10	-	10	cfu/g	Initial dilution: 100, Note (i)

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tân Bình IZ, Tây Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
 (84-28) 3935 1920 (84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

LFOD-QAM-F-2010-1 - 01 Jul, 2025

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
 This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Report N°: 0001400929

Page N° 3/5

Analyte <i>Chỉ tiêu phân tích</i>	Method <i>Phương pháp</i>	Result <i>Kết quả</i>	LOD	LOQ	Unit <i>Đơn vị</i>	Remark <i>Chú thích</i>
7. Total Yeast and Mold <i>Tổng nấm men và nấm mốc</i>	ISO 21527-2:2008	<10	-	10	cfu/g	
8. Soybean (soy) content <i>Hàm lượng đậu nành</i>	LFOD-TST-SOP-8989 (ELISA Method) ^(*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	2.6	6.4	mg/kg	
9. Soybean (soy) protein content <i>Hàm lượng protein đậu nành</i>	LFOD-TST-SOP-8989 (ELISA Method) ^(*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	1	2.5	mg/kg	
10. GMO detection: P-FMV <i>Phát hiện GMO: P-FMV</i>	ISO/TS 21569-5:2016 (Real-time PCR) ^(*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.01	-	g/100g	
11. GMO detection: P35S <i>Phát hiện GMO: P35S</i>	ISO 21569:2005/ Amd 1:2013 (Real-time PCR) ^(*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.01	-	g/100g	
12. GMO detection: T-nos <i>Phát hiện GMO: T-nos</i>	ISO 21569:2005/ Amd 1:2013 (Real-time PCR) ^(*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.01	-	g/100g	
13. Moisture (vacuum oven method, 70°C) <i>Độ ẩm (phương pháp sấy chân không, 70°C)</i>	ISO 3726:1983	3.10	0.08	0.28	g/100g	
14. Total ash <i>Tro tổng</i>	TCVN 5253:1990	8.14	0.03	0.1	g/100g	
15. Acid insoluble ash <i>Tro không tan trong axit</i>	TCVN 5253:1990	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.03	0.1	g/100g	
16. Total glucose (on dried basis) <i>Tổng glucose (trên nền khô)</i>	ISO 11292:1995	0.646	0.03	0.1	g/100g	
17. Total xylose (on dried basis) <i>Tổng xylose (trên nền khô)</i>	ISO 11292:1995	0.173	0.03	0.1	g/100g	
18. pH value (1.2% solution) <i>Giá trị pH (dung dịch 1.2%)</i>	DIN 10776-2:2016-07	5.22	-	-	-	
19. Caffeine <i>Cafein</i>	ISO 20481:2008	4.70	0.0003	0.001	g/100g	
20. Ochratoxin A <i>Ochratoxin A</i>	LFOD-TST-SOP-8434	<1	0.3	1	µg/kg	
21. Acrylamide <i>Acrylamide</i>	ISO 18862:2016	666	20	60	µg/kg	
22. Arsenic (As) <i>Asen</i>	AOAC 2013.06	0.014	0.005	0.01	mg/kg	
23. Cadmium (Cd) <i>Cadimi</i>	AOAC 2013.06	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.005	0.01	mg/kg	

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

LFOD-QAM-F-2010-1 - 01 Jul, 2025

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service
<http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations
of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of
this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings
at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The
Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties
to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction
documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or
appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest
extent of the law.

Report N°: 0001400929

Page N° 4/5

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
24. Lead (Pb) Chì	AOAC 2013.06	Not Detected Không phát hiện	0.005	0.01	mg/kg	
25. Mercury (Hg) Thủy ngân	AOAC 2013.06	Not Detected Không phát hiện	0.005	0.01	mg/kg	
26. Tin (Sn) Thiếc	AOAC 2015.06	Not Detected Không phát hiện	0.025	0.05	mg/kg	

Note/Ghi chú:

- All methods were accredited with ISO 17025 by BoA or AOAC (without or with a triangle symbol (Δ) after the methods, respectively), except for the methods/analytes marked with an asterisk (*).
Tất cả phương pháp được công nhận ISO 17025 bởi BoA hoặc AOAC (không có hoặc có kí hiệu hình tam giác (Δ) tương ứng ngay sau phương pháp), ngoại trừ những phương pháp/chỉ tiêu được đánh dấu một sao (*).
- All methods were performed by SGS Vietnam Ltd (the ones marked with the superscript number one (¹) were performed by SGS Can Tho Lab), except for the ones that were done by subcontractors (their names were mentioned in the parentheses after the method) and marked with two asterisks (**) after the analyte name.
Tất cả phương pháp thử được thực hiện bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH (phương pháp được đánh dấu với chữ số một bên trên (¹) được thực hiện bởi PTN SGS Cần Thơ), trừ các phương pháp được thực hiện bởi nhà thầu phụ (tên nhà thầu phụ được đề cập trong ngoặc đơn ngay sau phương pháp) và được đánh dấu hai sao (**) sau tên chỉ tiêu.
- All methods (e.g.: AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.
Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
- Testing time of all analytes was stated in the "Testing Period" (page 1) unless specified separately.
Thời gian thử nghiệm của tất cả chỉ tiêu phân tích được đề cập tại "Thời gian thử nghiệm" (trang 1) trừ khi được chỉ rõ riêng.
- (i) With the samples containing the high inhibitory substances (such as Cassia/Cinnamon, instant coffee, Lemon powder, Mustard seed/flour, Oregano, tea, chilli powder, curry powder,..., and cosmetic or personal care products: soap, toothpaste, washing liquid, mascara,...), the initial dilution was 1 in 100 to reduce the antimicrobial activity.
(i) Với mẫu chứa chất ức chế cao (như Quế, cà phê hòa tan, bột Chanh, Mù tạt, Kinh giới cay, trà, bột ớt, bột cà ri,..., và các sản phẩm mỹ phẩm hoặc các sản phẩm chăm sóc cá nhân: xà phòng, kem đánh răng, nước giặt, mascara,...), pha loãng ban đầu là 1 trong 100 để giảm hoạt tính kháng khuẩn.
- LOD = Limit of Detection. LOD is referred to the estimated Level of Detection at 50% of probability of detection (eLOD50) when applied to the qualitative microbiological analytes, Probability of Detection (POD) when applied to qualitative chemical analytes, or Probability of Identification (POI) when applied to identification analytes. The result of the analyte with the concentration below or equal to LOD is reported as Not Detected.
LOD = Giới hạn phát hiện. LOD ứng với mức phát hiện ước lượng mà 50% các phép thử nghiệm cho kết quả dương tính (eLOD50) khi áp dụng cho chỉ tiêu vi sinh định tính, khả năng phát hiện (POD) khi áp dụng cho chỉ tiêu hóa định tính hoặc khả năng định danh (POI) khi áp dụng cho chỉ tiêu nhận danh. Kết quả chất phân tích nhỏ hơn hoặc bằng LOD được báo cáo là Không phát hiện.
- LOQ = Limit of Quantification. When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as <LOQ. If the quantifiable result was calculated from individual analytes, it was done using unrounded single values without the ones below LOQ, or it was expressed as less than the sum of the individual LOQs of detected analytes when the concentration of all detected analytes was <LOQ. For microbiological analytes, according to the plate count testing method with the initial dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g (or <10 cfu/mL) if 1 mL of the diluted solution was incubated or <1 cfu/g (or <1 cfu/mL) if 10 mL of the diluted solution was incubated, <100 cfu/g (or <100 cfu/mL) for samples with further dilution of 10, <1 cfu/mL for pipettable samples without dilution, <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab) for hygiene environment samples that are required to report on whole tested samples, or <10 cfu/area for hygiene environment samples that are required to report on specific area; according to the membrane filter method without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <1 cfu per sample volume tested; according to MPN technique if there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative and reported as 0 MPN/g (or 0 MPN/mL) for samples without further dilution (i.e. sample amount of 1 g (or 1 mL) in the series of the highest concentration tubes), 0 MPN/0.1g (or 0 MPN/0.1mL) for samples with further dilution of 10 (i.e. sample amount of 0.1 g (or 0.1 mL) in the series of the highest concentration tubes), or <1.8 MPN/100mL for water samples (i.e. sample amount of 10 mL in the series of the highest concentration tubes).
LOQ = Giới hạn định lượng. Khi chất phân tích hóa học được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là <LOQ. Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ các chất phân tích riêng lẻ, nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng, hoặc được biểu thị dưới dạng nhỏ hơn tổng của các LOQ riêng lẻ của các chất phân

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh Iz, Tay Thanh Ward,
 Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
 Tra Noc 2 Iz, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

LFOD-QAM-F-2010-1 - 01 Jul, 2025

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
 This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0001400929

Page N° 5/5

tích phát hiện khi nồng độ tất cả các chất phát hiện đều <LOQ. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đồ đĩa với hệ số pha loãng ban đầu là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <10 cfu/g (hoặc <10 cfu/mL) nếu 1 mL dịch pha loãng đã được ủ hoặc <1 cfu/g (hoặc <1 cfu/mL) nếu 10 mL dịch pha loãng mẫu được ủ, <100 cfu/g (hoặc <100 cfu/mL) đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần, <1 cfu/mL đối với mẫu có thể rút được mà không pha loãng, <10 cfu/mẫu (hoặc <10 cfu/swab) đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên toàn bộ mẫu được kiểm, hoặc <10 cfu/điện tích đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể; theo phương pháp lọc mà không pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <1 cfu/thể tích mẫu được kiểm; theo kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất, nếu không có bất kỳ phản ứng nào nghi ngờ sau khoảng thời gian ủ qui định, kết quả là âm tính và báo cáo được thể hiện là 0 MPN/g (hoặc 0 MPN/mL) với mẫu không pha loãng thêm (tương ứng với hàm lượng mẫu 1 g (hoặc 1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất), 0 MPN/0.1g (hoặc 0 MPN/0.1mL) với mẫu đã được pha loãng 10 lần (tương ứng với hàm lượng mẫu 0.1 g (hoặc 0.1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất) hoặc <1.8 MPN/100mL với nền mẫu nước (tương ứng với hàm lượng mẫu 10 mL ở dãy ống có nồng độ cao nhất).

_(a) Refer to LOD/LOQ of the individual analytes that were used to calculate the sum analyte.

_(a) Tham khảo LOD/LOQ của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.

- Protein content = food content x conversion factor, where the conversion factors were: 0.23 (almond), 0.11 (buckwheat), 0.18 (cashew), 0.033 (coconut), 0.17 (crustacean), 0.48 (egg), 0.16 (fish), 0.15 (hazelnut), 0.36 (lupin), 0.13 (macadamia), 0.42 (mustard), 0.22 (peanut), 0.2 (pistachio), 0.21 (sesame), 0.39 (soybean), and 0.15 (walnut).
Wheat protein content = gluten content x (1/0.85)

Hàm lượng protein = hàm lượng thực phẩm x hệ số chuyển đổi, trong đó hệ số chuyển đổi là: 0.23 (hạnh nhân), 0.11 (kiểu mạch), 0.18 (hạt điều), 0.033 (dừa), 0.17 (giáp xác), 0.48 (trứng), 0.16 (cá), 0.15 (hạt phi), 0.36 (lupin), 0.13 (hạt mắc ca), 0.42 (mù tạt), 0.22 (đậu phộng), 0.2 (hạt dẻ cười), 0.21 (hạt mè), 0.39 (đậu nành), và 0.15 (hạt óc chó).

Hàm lượng protein lúa mì = hàm lượng gluten x (1/0.85)

- The sensory of brewed coffee test was performed on the liquor prepared by following TCVN 12459:2018 method: Weigh approximately 2.5 g of instant coffee, add 150 mL of boiling water.
Phương pháp cảm quan mẫu cà phê pha được thực hiện trên dung dịch pha theo phương pháp TCVN 12459:2018 như sau: Cân khoảng 2.5 g cà phê hòa tan, thêm 150 mL nước sôi.

REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

This report cancels and supersedes the report No. 0001400598 Date 09-April-2026 issued by SGS Vietnam Ltd.
Báo cáo này hủy bỏ và thay thế cho báo cáo có mã số 0001400598 Ngày 09-04-2026 được phát hành bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH.

*** END OF THE REPORT ***

Your feedback helps us improve our service.
Please scan and rate us here



[Customer's feedback - Food Lab](#)

Signed for and on behalf of
SGS Vietnam LTD.
Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam TNHH



Vũ Đình Nhì
Trưởng Bộ phận Thử nghiệm
Dụng cụ Thuộc Bảo vệ Thực vật

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

LFOD-QAM-F-2010-1 - 01 Jul, 2025

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.